

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/HS-ST

Ngày: 23-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải và bà Hoàng Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật - Kiểm sát viên.

Ngày 23/8/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 65/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/HSST-QĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần K Đ – Tên gọi khác: T, sinh năm 1996, tại tỉnh Đồng Nai

Nơi cư trú: Ấp 4, xã Đ L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần K C, sinh năm 1967 và bà Lê T L, sinh năm 1970; vợ: Nguyễn T T, sinh năm 1995; có 02 con: lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 13/3/2019 đến ngày 21/3/2019. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Quách V L – Tên gọi khác: V, sinh năm 1995, tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 5, xã Đ L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách V L 1, sinh năm 1960 và bà Lê T H, sinh năm 1970; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 13/3/2019 đến ngày 21/3/2019. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người có quyền L2, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm P L22, sinh năm 1986, địa chỉ: Khu X, thị trấn T P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

2. Anh Huỳnh H L, sinh năm 1989, địa chỉ: Ấp P T, xã P T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NHẬN THẤY

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong năm 2018, Trần K Đ cho nhiều người vay tiền với mục đích thu lãi. Mức lãi suất Đ cho vay cao hơn mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay,.... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”*. Theo đó, mức lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tương ứng với 0,0548%/1 ngày.

Nhằm thu hút người vay Đ đã thuê Quách V L mỗi tháng 9.000.000 đồng giúp Đ thực hiện công việc dán tờ rơi, giao tiền và lấy tiền lãi từ người vay.

Từ tháng 01/2018 đến tháng 5/2018, Trần K Đ cùng Quách V L đã cho anh Phạm P L2 vay 04 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Tháng 01/2018, Đ cho anh L2 vay 100.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi 10.000.000 đồng/10 ngày. Lúc đưa tiền, Đ chỉ giao cho anh L2 90.000.000 đồng mà khấu trừ trước tiền lãi của 10 ngày. Sau 20 ngày, anh L2 đã trả tiền gốc và lãi cho Đ là 110.000.000 đồng. Lãi suất thực tế, anh L2 phải trả là $20.000.000\text{đ}/90.000.000\text{đ}/20$ ngày, tương ứng 1,1111%/1 ngày, gấp 20,2755 lần so với mức lãi suất 0,0548% /1 ngày quy định trong Bộ luật Dân sự. Theo quy định này, tiền lãi thỏa thuận được chấp nhận trong 20 ngày là: $90.000.000 \text{ đồng} \times 0,0548\% \times 20 \text{ ngày} = 986.400 \text{ đồng}$. Số tiền mà Đ thu L2 bất chính là: $20.000.000 \text{ đồng} - 986.400 \text{ đồng} = 19.013.600 \text{ đồng}$.

Lần thứ hai: Tháng 02/2018, Đ và L tiếp tục cho anh L2 vay 90.000.000 đồng cũng với phương thức và thỏa thuận trả tiền lãi như lần thứ nhất. Sau 20 ngày, anh L2 đã trả tiền gốc và lãi cho Đ là 110.000.000 đồng. Lãi suất thực tế, anh L2 phải trả là $20.000.000\text{đ}/90.000.000\text{đ}/20$ ngày tương ứng 1,1111%/1 ngày, gấp 20,2755 lần so với mức lãi suất 0,0548% /1 ngày quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền lãi thỏa thuận được chấp nhận trong 20 ngày là: $90.000.000 \text{ đồng} \times 0,0548\% \times 20 \text{ ngày} = 986.400 \text{ đồng}$. Số tiền mà Đ thu L2 bất chính là: $20.000.000 \text{ đồng} - 986.400 \text{ đồng} = 19.013.600 \text{ đồng}$.

Lần thứ ba: Tháng 3/2018, Đ và L cho anh L2 vay 200.000.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 8.000.000 đồng. Anh L2 đã trả được 28 ngày với số tiền 224.000.000 đồng, 04 ngày còn lại với số tiền 32.000.000 đồng thì anh L2 chưa trả. Trong số 224.000.000 đồng có 24.000.000 đồng tiền lãi, mức lãi suất thực tế L2 phải trả tương ứng với $24.000.000\text{đ}/200.000.000\text{đ}/28$ ngày, tương ứng 0,4285%/1 ngày, gấp 7,82 lần so với mức lãi suất 0,0548%/1 ngày quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền lãi thỏa thuận được chấp nhận theo quy định của pháp luật trong 28 ngày là: $200.000.000 \text{ đồng} \times 0,0548\% \times 28 \text{ ngày} = 3.068.800 \text{ đồng}$. Số tiền mà Đ thu L2 bất chính là: $24.000.000 \text{ đồng} - 3.068.800 \text{ đồng} = 20.931.200 \text{ đồng}$.

Lần thứ tư: Tháng 05/2018, Đ và L cho anh L2 vay 150.000.000 đồng, thỏa thuận trả tiền lãi 15.000.000 đồng/10 ngày. Đ trừ trước số tiền lãi 10 ngày là 15.000.000 đồng mà chỉ đưa cho anh L2 135.000.000 đồng. Do anh L2 không trả số tiền gốc và lãi còn lại theo thỏa thuận nên vào ngày 13/3/2019, Đ và L yêu cầu anh L2 viết giấy vay nợ số tiền 182.000.000 đồng, trong đó gồm 150.000.000 đồng tiền gốc lần vay thứ tư và 32.000.000 đồng chưa trả của lần vay thứ ba thì bị bắt quả tang.

Hành vi cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự của Đ và L đã được cơ quan điều tra làm rõ.

Trong quá trình điều tra Đ và L còn khai nhận có cho anh Huỳnh H L vay nhiều lần vào khoảng cuối năm 2018 cụ thể:

- 05 lần cho vay mỗi lần 10.000.000 đồng. Đ và L thỏa thuận cho L vay trả góp 10.000.000 đồng trong 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng, tiền lãi thu được là 2.800.000 đồng, mức lãi suất tương ứng 0,875%/1 ngày, gấp 15,967 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 0,0548%/1ngày. Tiền lãi thỏa thuận tối đa theo quy định của pháp luật trong 32 ngày là: $10.000.000 \text{ đồng} \times 0,0548\% \times 32 \text{ ngày} = 175.360 \text{ đồng}$. Số tiền mà Đ thu L2 bất chính là: $2.800.000 \text{ đồng} - 175.360 \text{ đồng} = 2.624.640 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền Đ thu lãi theo quy định của pháp luật trong 05 lần là $175.360 \text{ đồng} \times 05 \text{ lần} = 876.800 \text{ đồng}$. Số tiền mà Đ thu L2 bất chính trong 05 lần là: 13.123.200 đồng.

- Đ và L thỏa thuận cho L vay trả góp 15.000.000 đồng trong 32 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng, tiền lãi thu được là 4.200.000 đồng, mức lãi suất tương ứng 0,875%/1 ngày, gấp 15,967 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 0,0548% /1ngày. Tiền lãi thỏa thuận tối đa theo quy định của pháp luật trong 32 ngày là: $15.000.000 \text{ đồng} \times 0,0548\% \times 32 \text{ ngày} = 263.040 \text{ đồng}$. Số tiền mà Đ thu L2 bất chính là: $4.200.000 \text{ đồng} - 263.040 \text{ đồng} = 3.936.960 \text{ đồng}$.

- Đ và L thỏa thuận cho L vay trả góp 7.500.000 đồng trong 32 ngày, mỗi ngày trả 300.000 đồng, tiền lãi thu được là 2.100.000 đồng, mức lãi suất tương ứng 0,875%/1 ngày, gấp 15,967 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 0,0548% /1ngày. Tiền lãi thỏa thuận tối đa theo quy định của pháp luật trong 32 ngày là: $7.500.000 \text{ đồng} \times 0,0548\% \times 32 \text{ ngày} = 131.520 \text{ đồng}$. Số tiền mà Đ thu L2 bất chính là: $2.100.000 \text{ đồng} - 131.520 \text{ đồng} = 1.968.480 \text{ đồng}$.

Như vậy:

- Số tiền Đ và L cho anh L2 vay với lãi suất cao là 380.000.000 đồng; số tiền lãi Đ và L đã thu của anh L2 là 64.000.000 đồng (trong đó lãi thu lãi theo quy định của pháp luật là 5.041.600 đồng và thu L2 bất chính là 58.958.400 đồng).

- Số tiền Đ và L cho anh L vay với lãi suất cao là 72.500.000 đồng, số tiền lãi Đ và L đã thu của anh L là 20.300.000 đồng (trong đó lãi thu lãi theo quy định của pháp luật là 1.271.360 đồng và thu L2 bất chính là 19.028.640 đồng).

Tổng cộng, các bị cáo Đ, L đã cho anh Phạm P L2, Huỳnh H L vay số tiền số tiền 452.500.000 đồng với mức lãi suất vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 từ 7,82 lần đến 20,2755 lần. Tổng số tiền lãi đã thu của anh L2 và anh L là 84.300.000 đồng (trong đó tiền lãi thu theo quy định của pháp luật 6.312.960 đồng; tiền thu L2 bất chính của anh L2 là 58.958.400 đồng; tiền thu L2 bất chính của anh L là 19.028.640 đồng).

Tại bản Cáo trạng số 56/CT-VKSTP-ĐN ngày 19/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đã truy tố các bị cáo Trần K Đ, Quách V L, về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Trên cơ sở phân tích dấu hiệu phạm tội, các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Về tội danh: Các bị cáo Trần Kim Đ, Quách V L phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Về mức hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Trần Kim Đ, mức phạt tiền từ: 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) đến 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng);

Bị cáo Quách Văn L, mức phạt tiền từ: 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) đến 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bàn phím màu đen có số thuê bao 0981.486.894 và 0985.983.339 là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mãi sung công;

Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen, 01 xe mô tô nhãn hiệu SH 150i, màu đỏ, biển số 59E1-8222, số tiền 10.200.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu vàng là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến tội phạm nên đã trao trả cho các bị cáo.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nội dung lời khai của những người tham gia tố tụng trong hồ sơ vụ án:

- Lời khai của các bị cáo trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận nội dung của Bản cáo trạng là đúng sự thật; các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Lời khai những người có quyền L2, nghĩa vụ liên quan Phạm P L2 và Huỳnh H L: Do có cần tiền nên anh L2 và anh L nhiều lần thỏa thuận vay tiền của Đ và L. Đ là người trực tiếp thỏa thuận việc cho vay và lãi suất, còn L thì giao tiền và nhận tiền lãi. Số tiền vay từng lần, số tiền lãi đã trả và lãi suất đúng như Cáo trạng đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, các bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự:

[2.1]. Xét về hành vi phạm tội:

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền L2, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến cuối năm

2018, Trần K Đ và Quách V L đã thực hiện nhiều giao dịch dân sự cho anh Phạm P L2 và anh Huỳnh H L vay tiền với mức lãi suất từ 0,4285%/ngày đến 1,111%/ngày. So với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 0,0548%/ngày thì mức lãi suất Đ và L cho vay gấp từ 7,82 lần đến 20,2755 lần. Tổng số tiền thu L2 bất chính là 77.987.040đ (Bảy mươi bảy triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Hành vi của các bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của các bị cáo còn mang tích chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng. Gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích háms lợi và thái độ xem thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần có đường lối xử phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều có vai trò là người thực hành. Bị cáo Đ là người dùng số tiền thuộc quyền sở hữu của mình cho vay nhằm thu L2 bất chính nên đóng vai trò chính; bị cáo L là người được bị cáo Đ thuê thực hiện công việc theo yêu cầu của Đ nên chỉ giữ vai trò giúp sức. Vì vậy, bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn bị cáo L.

[2.3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử cân nhắc để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Từ nội dung đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử cân nhắc, quyết định mức án phù hợp đối với từng các bị cáo, thể hiện sự nghiêm minh, khoan hồng của chính sách pháp luật.

Tòa án mở phiên tòa xét xử công khai vụ án để xử lý hành vi phạm tội của các bị cáo và để tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

[3] Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bàn phím màu đen đã qua sử dụng (có số thuê bao 0981.486.894 và 0985.983.339) là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen, 01 xe mô tô nhãn hiệu SH 150i, màu đỏ, biển số 59E1-8222, số tiền 10.200.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu vàng là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú đã trao trả cho các bị cáo nên không xem xét.

- Đối với số tiền 458.812.960 đồng (trong đó gồm 452.500.000 đồng sử dụng vào việc cho vay và khoản tiền lãi được theo quy định của pháp luật là 6.312.960 đồng) đây là khoản tiền liên quan, sử dụng vào việc phạm tội nên cần phải truy thu sung công quỹ nhà nước là đúng pháp luật;

- Đối với số tiền lãi 77.987.040 đồng đã thu lãi vượt quá mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền 77.987.040 đồng này buộc bị cáo Đ phải trả lại cho anh L2 58.958.400 đồng và trả lại anh L 19.028.640 đồng.

[4] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của Trần Kim Đ, Quách V L cho anh Phạm P L2 vay 135.000.000 đồng vào tháng 05/2018, mặc dù có thỏa thuận lãi suất nhưng anh L2 chưa trả nên không có cơ sở xác định mức lãi suất vì vậy không xem xét xử lý. Đây là giao dịch dân sự, khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị mức hình phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần K Đ và Quách V L phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Trần K Đ mức phạt tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Xử phạt: Quách V L mức phạt tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bàn phím màu đen đã qua sử dụng (có số thuê bao 0981.486.894 và 0985.983.339).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/6/2019 giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện Tân Phú và Chi cục THADS huyện Tân Phú).

Buộc bị cáo Trần K Đ phải nộp lại số tiền 458.812.960 đồng (trong đó gồm 452.500.000 đồng sử dụng vào việc cho vay và khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật là 6.312.960 đồng). Đây là khoản tiền liên quan, sử dụng vào việc phạm tội cần phải truy thu sung công quỹ nhà nước là đúng pháp luật.

Buộc bị cáo Đ phải trả lại số tiền thu lãi vượt quá mức quy định của pháp luật cho anh Phạm P L2 số tiền 58.958.400đ (Năm mươi tám triệu chín trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm đồng), trả cho anh Huỳnh H L số tiền 19.028.640đ (Mười chín triệu không trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Đ, bị cáo L mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Bị cáo Đ phải chịu 3.899.000đ (Ba triệu tám trăm chín mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 292; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm P L2 và anh Huỳnh H L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THA; Lưu HS, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Phi